



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC

INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

MT25110718

Tên khách hàng/Customer's name:

Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang

Địa chỉ/Address:

Số 34, Đường An Cư, Phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang

Tên mẫu/Name of sample(s):

Nước sạch – Lấy tại bể chứa chung

Mô tả mẫu/Sample description:

Mẫu đựng trong can nhựa thể tích 3,0L; Bảo quản thường

Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling:

Tổ 17, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang

Ngày lấy mẫu/Date of sampling:

25/11/2025

Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving:

26/11/2025

Người lấy/gửi mẫu/Sampler:

Khách hàng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Asen (As)*	<0,001	mg/L	0,01	SMEWW 3114B:2023
2.	Clo dư*	0,44	mg/L	0,2 - 1	SMEWW 4500- C1.G:2023
3.	Độ đục*	<0,05	NTU	2	TCVN 12402:2020
4.	Độ màu*	<10	TCU	15	TCVN 6185C:2015
5.	pH*	7,63	-	6 - 8,5	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
6.	Mùi*	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	TCVN 9719:2013
7.	Amoni (NH ₄ ⁺)*	<0,05	mg/L	1	SMEWW 4500- NH3.B&F:2023
8.	Chỉ số Pecmanganat*	<1	mg/L	2	TCVN 6186:1996
9.	Coliform*	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187-1:2019
10.	E.Coli*	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187-1:2019

** Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2025

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



KS. Nguyễn Văn Cường ThS. Lương Thị Thu Hương

ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110718

Tên khách hàng/Customer's name: Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang
Địa chỉ/Address: Số 34, Đường An Cư, Phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước sạch - Lấy tại bể chứa chung
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa thể tích 8L; Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ 17, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang
Ngày lấy mẫu/Date of sampling: 25/11/2025
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 26/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Bari (Ba)*	<0,02	mg/L	1,3	SMEWW 3113B: 2023
2.	Bo tính chung cho cả Borat và Axit boric ^a	<0,1	mg/L	2,4	TCVN 6635:2000
3.	Cadimi (Cd)*	<0,001	mg/L	0,003	SMEWW 3113B: 2017
4.	Crom tổng số (Cr)*	<0,002	mg/L	0,05	SMEWW 3113B: 2017
5.	Đồng tổng số (Cu)*	<0,1	mg/L	1	SMEWW 3111B:2017
6.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	131,8	mg/L	300	TCVN 6224 - 1996
7.	Kẽm (Zn)*	<0,2	mg/L	2	SMEWW 3111B:2017
8.	Mangan tổng số (Mn)*	<0,1	mg/L	0,1	SMEWW 3111B: 2017
9.	Natri (Na)*	2,35	mg/L	200	SMEWW 3111B: 2023
10.	Nhôm (Al)*	0,026	mg/L	0,2	SMEWW 3113B: 2023
11.	Niken (Ni)*	<0,03	mg/L	0,07	SMEWW 3111 B:2017
12.	Nitrate (NO ₃ - tính theo N)*	0,32	mg/L	11	SMEWW 4500NO3- E: 2023
13.	Nitrite (NO ₂ - tính theo N)*	<0,1	mg/L	0,9	TCVN 6178-1996 (ISO 6777-1984)
14.	Sắt (Fe)*	<0,1	mg/L	0,3	SMEWW 3111 B:2017

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một nhân phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
15.	Selen (Se)*	<0,005	mg/L	0,04	SMEWW 3114B: 2023
16.	Sulfate (SO ₄)*	6,5	mg/L	250	SMEWW 4500 SO42- E: 2023
17.	Sunfua (tính theo H ₂ S)*	<0,05	mg/L	0,05	TCVN 6637:2000
18.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	136,0	mg/L	1.000	SMEWW 2540C:2017
19.	Xyanua*	<0,02	mg/L	0,05	TCVN 6181:1996 ISO 6703-1:1984 (E)
20.	Antimon (Sb)*	<0,005	mg/L	0,02	SMEWW 3113B: 2023
21.	Chì (Pb)*	<0,005	mg/L	0,01	SMEWW 3113 B:2017
22.	Clorua*	12,1	mg/L	250	TCVN 6194:1996
23.	Florua*	<0,2	mg/L	1,5	SMEWW 4500 F-.B&D: 2017
24.	Thủy ngân (Hg)*	<0,001	mg/L	0,001	SMEWW 3112B:2023
25.	Bromat ^a	<3	µg/L	10	TCVN 9243:2012
26.	Dichloromethane ^a	<1	µg/L	20	Us EPA Method 8260D
27.	1,1,1 – Tricloroethane ^a	<0,2	µg/L	2.000	Us EPA Method 8260D
28.	Vinyl clorua ^a	<0,08	µg/L	0,3	Us EPA Method 8260D
29.	1,2 - Dicloroethane ^a	<1	µg/L	30	Us EPA Method 8260D
30.	1,2 - Dicloroethene ^a	<0,5	µg/L	50	Us EPA Method 8260D
31.	Carbon tetrachloride ^a	<0,5	µg/L	2	Us EPA Method 8260D
32.	Tetracloroeten ^a	<0,5	µg/L	40	Us EPA Method 8260D
33.	Trichloroethene ^a	<0,5	µg/L	8	Us EPA Method 8260D
34.	Benzen ^a	<0,5	µg/L	10	Us EPA Method 8260D
35.	Ethylbenzene ^a	<0,5	µg/L	300	Us EPA Method 8260D
36.	Phenol và dẫn xuất của phenol ^a (Pentachlorophenol)	<0,02	µg/L	9	US EPA Method 8270D

311
CHI
ÔNG
11-1
JNG TÀ
INV
GDIET

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
37.	Styrene ^a	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260D
38.	Toluen ^a	<0,5	µg/L	700	Us EPA Method 8260D
39.	Xylen ^a	<0,5	µg/L	500	Us EPA Method 8260D
40.	1,2-Dichlorobenzene ^a	<0,5	µg/L	1.000	Us EPA Method 8260D
41.	Monoclorobenzen ^a	<0,1	µg/L	300	Us EPA Method 8260D
42.	Tổng Trichlorobenzene ^a	<0,1	µg/L	20	Us EPA Method 8260D
43.	Acrylamide ^a	<0,1	µg/L	0,5	US EPA Method 8032A
44.	Epichlorhydrin ^a	<0,1	µg/L	0,4	Us EPA Method 8260D
45.	Hexachlorobutadiene ^a	<0,07	µg/L	0,6	Us EPA Method 8260D
46.	1,2-Dibromo-3- Chloropropane ^a	<0,1	µg/L	1	Us EPA Method 8260D
47.	1,2-Dichloropropane ^a	<1	µg/L	40	Us EPA Method 8260D
48.	1,3 - Dichloropropen ^a	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260D
49.	2,4 - D ^a	<1	µg/L	30	US EPA Method 555
50.	2,4 - DB ^a	<2	µg/L	90	US EPA Method 555
51.	Alachlor ^a	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 525.3
52.	Aldicarb ^a	<1	µg/L	10	US EPA Method 531.2
53.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,02	µg/L	100	US EPA Method 525.3
54.	Carbofuran ^a	<0,01	µg/L	5	US EPA Method 8270D
55.	Chlorpyrifos ^a	<0,01	µg/L	30	US EPA Method 8270D
56.	Clodane ^a	<0,02	µg/L	0,2	US EPA Method 8270D
57.	Chlorotoluron ^a	<0,02	µg/L	30	US EPA Method 525.3
58.	Cyanazine ^a	<0,01	µg/L	0,6	US EPA Method 525.3
59.	DDT và các dẫn xuất ^a	<0,02	µg/L	1	US EPA Method 8270D

* Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI

** Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.

- Các kết quả thử nghiệm là kết quả cuối cùng và không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
60.	Dichloprop ^a	<2	µg/L	100	US EPA Method 555
61.	Fenoprop ^a	<1	µg/L	9	US EPA Method 515.4
62.	Hydroxyatrazine ^a	<0,02	µg/L	200	US EPA Method 525.3
63.	Isoproturon ^a	<0,02	µg/L	9	US EPA Method 525.3
64.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555
65.	Mecoprop - MCPP ^a	<2	µg/L	10	US EPA Method 555
66.	Methoxychlor ^a	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 8270D
67.	Molinate ^a	<0,01	µg/L	6	US EPA Method 525.3
68.	Pendimetalin ^a	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 8091
69.	Permethrin ^a	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 525.3
70.	Propanil ^a	<1	µg/L	20	US EPA Method 532
71.	Simazine ^a	<0,01	µg/L	2	US EPA Method 525.3
72.	Trifluralin ^a	<0,5	µg/L	20	US EPA Method 551.1
73.	2,4,6 - Triclorophenol ^a	<0,02	µg/L	200	US EPA Method 8270D
74.	Bromodichloromethane ^a	<1	µg/L	60	Us EPA Method 8260D
75.	Bromoform ^a	<0,5	µg/L	100	Us EPA Method 8260D
76.	Chloroform ^a	<1	µg/L	300	Us EPA Method 8260D
77.	Dibromoacetonitrile ^a	<0,5	µg/L	100	US EPA Method 551.1
78.	Dibromochloromethane ^a	<1	µg/L	70	Us EPA Method 8260D
79.	Dichloroacetonitrile ^a	<0,5	µg/L	20	US EPA Method 551.1
80.	Dichloroacetic acid ^a	<2	µg/L	50	US EPA Method 552.2
81.	Formaldehyde ^a	<10	µg/L	500	US EPA Method 556
82.	Monochloramine ^a	<30	mg/L	3.000	SMEWW4500C1.G:2023

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
83.	Monochloroacetic acid ^a	<2	µg/L	20	US EPA Method 552.2
84.	Trichloroacetic acid ^a	<2	µg/L	200	US EPA Method 552.2
85.	Trichloroaxetonitril ^a	<0,1	µg/L	1	US EPA Method 551.1
86.	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^a	<0,02	Bq/L	0,1	TCVN 6053:2011
87.	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^a	<0,2	Bq/L	1,0	TCVN 6219:2011
88.	<i>Staphylococcus aureus</i> *	0	CFU/100mL	<1	SMEWW9213B:2023
89.	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	0	CFU/100mL	<1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)

** Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2025

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



KS. Nguyễn Văn Cường ThS. Lương Thị Thu Hương

ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110721

Tên khách hàng/Customer's name: Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang
Địa chỉ/Address: Số 34, Đường An Cư, Phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước sạch - Lấy tại vòi nước giếng khoan trạm số 4
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa thể tích 8L; Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Giếng khoan trạm số 4, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang
Ngày lấy mẫu/Date of sampling: 25/11/2025
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 26/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Bari (Ba)*	0,020	mg/L	1,3	SMEWW 3113B: 2023
2.	Bor tính chung cho cả Borat và Axit boric ^a	<0,1	mg/L	2,4	TCVN 6635:2000
3.	Cadimi (Cd)*	<0,001	mg/L	0,003	SMEWW 3113B: 2017
4.	Crom tổng số (Cr)*	<0,002	mg/L	0,05	SMEWW 3113B: 2017
5.	Đồng tổng số (Cu)*	<0,1	mg/L	1	SMEWW 3111B:2017
6.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ * ^a	141,7	mg/L	300	TCVN 6224 - 1996
7.	Kẽm (Zn)*	<0,2	mg/L	2	SMEWW 3111B:2017
8.	Mangan tổng số (Mn)*	<0,1	mg/L	0,1	SMEWW 3111B: 2017
9.	Natri (Na)*	2,53	mg/L	200	SMEWW 3111B: 2023
10.	Nhôm (Al)*	0,018	mg/L	0,2	SMEWW 3113B: 2023
11.	Niken (Ni)*	<0,03	mg/L	0,07	SMEWW 3111 B:2017
12.	Nitrate (NO ₃ - tính theo N)*	0,33	mg/L	11	SMEWW 4500NO3- E: 2023
13.	Nitrite (NO ₂ - tính theo N)*	<0,1	mg/L	0,9	TCVN 6178-1996 (ISO 6777-1984)
14.	Sắt (Fe)*	<0,1	mg/L	0,3	SMEWW 3111 B:2017

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một nhân phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
15.	Selen (Se)*	<0,005	mg/L	0,04	SMEWW 3114B: 2023
16.	Sulfate (SO ₄)*	6,4	mg/L	250	SMEWW 4500 SO42- E: 2023
17.	Sunfua (tính theo H ₂ S)*	<0,05	mg/L	0,05	TCVN 6637:2000
18.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	135,8	mg/L	1.000	SMEWW 2540C:2017
19.	Xyanua*	<0,02	mg/L	0,05	TCVN 6181:1996 ISO 6703-1:1984 (E)
20.	Antimon (Sb)*	<0,005	mg/L	0,02	SMEWW 3113B: 2023
21.	Chì (Pb)*	<0,005	mg/L	0,01	SMEWW 3113 B:2017
22.	Clorua	12,9	mg/L	250	TCVN 6194:1996
23.	Florua*	<0,2	mg/L	1,5	SMEWW 4500 F-.B&D: 2017
24.	Thủy ngân (Hg)*	<0,001	mg/L	0,001	SMEWW 3112B:2023
25.	Bromat ^a	<3	µg/L	10	TCVN 9243:2012
26.	Dichloromethane ^a	<1	µg/L	20	Us EPA Method 8260D
27.	1,1,1 – Tricloroethane ^a	<0,2	µg/L	2.000	Us EPA Method 8260D
28.	Vinyl clorua ^a	<0,08	µg/L	0,3	Us EPA Method 8260D
29.	1,2 - Dicloroethane ^a	<1	µg/L	30	Us EPA Method 8260D
30.	1,2 - Dicloroethene ^a	<0,5	µg/L	50	Us EPA Method 8260D
31.	Carbon tetrachloride ^a	<0,5	µg/L	2	Us EPA Method 8260D
32.	Tetracloroeten ^a	<0,5	µg/L	40	Us EPA Method 8260D
33.	Trichloroethene ^a	<0,5	µg/L	8	Us EPA Method 8260D
34.	Benzen ^a	<0,5	µg/L	10	Us EPA Method 8260D
35.	Ethylbenzene ^a	<0,5	µg/L	300	Us EPA Method 8260D
36.	Phenol và dẫn xuất của phenol ^a (Pentachlorophenol)	<0,02	µg/L	9	US EPA Method 8270D

33116
CHI
ÔNG T
I - M
UNG TÀ
INVI
G BIẾN

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
37.	Styrene ^a	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260D
38.	Toluen ^a	<0,5	µg/L	700	Us EPA Method 8260D
39.	Xylen ^a	<0,5	µg/L	500	Us EPA Method 8260D
40.	1,2-Dichlorobenzene ^a	<0,5	µg/L	1.000	Us EPA Method 8260D
41.	Monoclorobenzen ^a	<0,1	µg/L	300	Us EPA Method 8260D
42.	Tổng Trichlorobenzene ^a	<0,1	µg/L	20	Us EPA Method 8260D
43.	Acrylamide ^a	<0,1	µg/L	0,5	US EPA Method 8032A
44.	Epichlorhydrin ^a	<0,1	µg/L	0,4	Us EPA Method 8260D
45.	Hexachlorobutadiene ^a	<0,07	µg/L	0,6	Us EPA Method 8260D
46.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane ^a	<0,1	µg/L	1	Us EPA Method 8260D
47.	1,2-Dichloropropane ^a	<1	µg/L	40	Us EPA Method 8260D
48.	1,3 - Dichloropropen ^a	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260D
49.	2,4 - D ^a	<1	µg/L	30	US EPA Method 555
50.	2,4 - DB ^a	<2	µg/L	90	US EPA Method 555
51.	Alachlor ^a	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 525.3
52.	Aldicarb ^a	<1	µg/L	10	US EPA Method 531.2
53.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,02	µg/L	100	US EPA Method 525.3
54.	Carbofuran ^a	<0,01	µg/L	5	US EPA Method 8270D
55.	Chlorpyrifos ^a	<0,01	µg/L	30	US EPA Method 8270D
56.	Clodane ^a	<0,02	µg/L	0,2	US EPA Method 8270D
57.	Chlorotoluron ^a	<0,02	µg/L	30	US EPA Method 525.3
58.	Cyanazine ^a	<0,01	µg/L	0,6	US EPA Method 525.3
59.	DDT và các dẫn xuất ^a	<0,02	µg/L	1	US EPA Method 8270D

3-0
HÀNG
TN
ĐD
PHÂN
TÍCH
EC
T.P.H

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
60.	Dichloprop ^a	<2	µg/L	100	US EPA Method 555
61.	Fenoprop ^a	<1	µg/L	9	US EPA Method 515.4
62.	Hydroxyatrazine ^a	<0,02	µg/L	200	US EPA Method 525.3
63.	Isoproturon ^a	<0,02	µg/L	9	US EPA Method 525.3
64.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555
65.	Mecoprop - MCPP ^a	<2	µg/L	10	US EPA Method 555
66.	Methoxychlor ^a	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 8270D
67.	Molinate ^a	<0,01	µg/L	6	US EPA Method 525.3
68.	Pendimetalin ^a	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 8091
69.	Permethrin ^a	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 525.3
70.	Propanil ^a	<1	µg/L	20	US EPA Method 532
71.	Simazine ^a	<0,01	µg/L	2	US EPA Method 525.3
72.	Trifuralin ^a	<0,5	µg/L	20	US EPA Method 551.1
73.	2,4,6 - Triclorophenol ^a	<0,02	µg/L	200	US EPA Method 8270D
74.	Bromodichloromethane ^a	<1	µg/L	60	Us EPA Method 8260D
75.	Bromoform ^a	<0,5	µg/L	100	Us EPA Method 8260D
76.	Chloroform ^a	<1	µg/L	300	Us EPA Method 8260D
77.	Dibromoacetonitrile ^a	<0,5	µg/L	100	US EPA Method 551.1
78.	Dibromochloromethane ^a	<1	µg/L	70	Us EPA Method 8260D
79.	Dichloroacetonitrile ^a	<0,5	µg/L	20	US EPA Method 551.1
80.	Dichloroacetic acid ^a	<2	µg/L	50	US EPA Method 552.2
81.	Formaldehyde ^a	<10	µg/L	500	US EPA Method 556
82.	Monochloramine ^a	<30	mg/L	3.000	SMEWW4500Cl.G:2023

* Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI

- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
83.	Monochloroacetic acid ^a	<2	µg/L	20	US EPA Method 552.2
84.	Trichloroacetic acid ^a	<2	µg/L	200	US EPA Method 552.2
85.	Trichloroaxetonitril ^a	<0,1	µg/L	1	US EPA Method 551.1
86.	Tổng hoạt độ phóng xạ α^a	<0,02	Bq/L	0,1	TCVN 6053:2011
87.	Tổng hoạt độ phóng xạ β^a	<0,2	Bq/L	1,0	TCVN 6219:2011
88.	<i>Staphylococcus aureus</i> *	0	CFU/100mL	<1	SMEWW9213B:2023
89.	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	0	CFU/100mL	<1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)

** Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2025

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



KS. Nguyễn Văn Cường ThS. Lương Thị Thu Hương

ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110719

Tên khách hàng/Customer's name: Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang
Địa chỉ/Address: Số 34, Đường An Cư, Phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước sạch - Giữa mạng cấp
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu đựng trong can nhựa thể tích 3,0L; Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Vũ Xuân Huy, SN 20, đường Lê Hoàn, tổ 2 phường Hà Giang
1, tỉnh Tuyên Quang
Ngày lấy mẫu/Date of sampling: 25/11/2025
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 26/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Asen (As)*	<0,001	mg/L	0,01	SMEWW 3114B:2023
2.	Clo dư*	0,58	mg/L	0,2 - 1	SMEWW 4500- C1.G:2023
3.	Độ đục*	<0,05	NTU	2	TCVN 12402:2020
4.	Độ màu*	<10	TCU	15	TCVN 6185C:2015
5.	pH*	7,86	-	6 - 8,5	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
6.	Mùi*	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	TCVN 9719:2013
7.	Amoni (NH ₄ ⁺)*	<0,05	mg/L	1	SMEWW 4500- NH3.B&F:2023
8.	Chỉ số Pecmanganat*	<1	mg/L	2	TCVN 6186:1996
9.	Coliform*	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187-1:2019
10.	E.Coli*	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187-1:2019

** Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2025

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER

Cường

ThS. Lương Thị Thu Hương



KS. Nguyễn Văn Cường

ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written consent of INVITEC ANALYSIS CENTER.